TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Văn Hoan

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Tạ Thị C,** sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 151, tổ 01, phường Th, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên . Vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 151, tổ 01, phường Th, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Tạ Thị C và ông Nguyễn Trọng T kết hôn năm 1994 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện M, tỉnh Lai Châu, nay là xã Ch, huyện S, tỉnh Lai Châu. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến 2 năm trở lại đây khi bà C nghỉ hưu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau, thường xuyên nghi ngờ nhau, không còn cùng nhau vun vén kinh tế và xây dựng cuộc sống chung. Ông T còn hay uống rượu nên chửi mắng, hành

hạ đánh đập bà C nên bà thường xuyên bị bạo hành cả tinh thần lẫn thể xác, khiến tâm lý lúc nào cũng căng thẳng, hỗn loạn. Đỉnh điểm vào cuối tháng 5/2023, ông T đi uống rượu về nhà mắng chửi và đánh bà C, hậu quả khiến bà C vào phải vào viện điều trị nội trú vì tổn thương ở cổ tay và bàn tay. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ nội bộ gia đình biết, chính quyền địa phương không ai biết. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25/5/1995, hiện cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Bà C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Đơn xin trình bày ngày 05/7/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết và tại phiên toà bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Về việc kết hôn đúng như bà C trình bày. Hai vợ chồng kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1994, chung sống hạnh phúc đến khoảng 02 năm trở lại đây khi bà C nghỉ hưu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà C không còn tôn trọng ông T, đi đâu làm gì đều không nói cho ông biết, vợ chồng không còn bình đẳng, không ai quan tâm đến ai. Việc bà C không còn quan tâm đến ông T là do bản thân ông không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh nên lâu ngày bà C sinh ra coi thường ông T. Đỉnh điểm vào cuối tháng 5/2023, ông T có uống rượu và hỏi bà C về việc chi tiêu tài chính trong gia đình nhưng bà C không chia sẻ thành thật với ông nên ông sinh ra bực tức, hai bên có cãi nhau và đánh nhau, hậu quả là ông bị rách thịt ở phần mềm chân bên trái, phải vào bệnh viện thành phố Điện Biên Phủ khâu và nằm lại điều trị còn bà C cũng bị thương. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ nội bộ gia đình biết, chính quyền địa phương không ai biết. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bà C mà ra còn ông T chỉ thỉnh thoảng uống rượu quá chén nên có hành động lời lẽ thái quá còn bản thân ông không có ý đồ gì với bà C. Do đó, tại Đơn xin trình bày ngày 05/7/2023 và bản tự khai ngày 18/7/2023, ông T không nhất trí ly hôn với bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn có ý kiến nếu bà C nhất quyết xin ly hôn thì ông cũng nhất trí; về con chung cũng như tài sản và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà C có đơn đề nghị không mở phiên hoà giải vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể quay về đoàn tụ được nữa. Toà án lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207/BLTTDS và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà C có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông T, về con đã thành niên cũng như về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông T có mặt tại phiên toà có ý kiến không nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà C vì

vẫn muốn bà C quay về đoàn tụ. Về con chung, tài sản và nợ thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại tổ 01, phường Th, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Bà C và ông T kết hôn năm 1994 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để áp dụng giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên toà hôm nay, vắng mặt nguyên đơn nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà C và ông T kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện M, tỉnh Lai Châu, nay là xã Ch, huyện S, tỉnh Lai Châu trên tinh thần tự nguyên nên theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo bản tự khai của nguyên đơn, hai năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T còn hay uống rượu nên chửi mắng, đánh đập bà C khiến bà C bị bạo hành cả tinh thần lẫn thể xác, tâm lý lúc nào cũng căng thẳng, hỗn loạn. Đỉnh điểm vào cuối tháng 5/2023, ông T đi uống rượu về nhà mắng chửi và đánh bà Chính, hậu quả bà C vào phải vào viện điều trị nội trú. Bà C có cung cấp Bản sao Giấy ra viện và Bảng kê chi phí điều trị nội trú về việc điều trị phục hồi vết thương ở cổ tay và bàn tay từ ngày 01/6/2023 đến ngày 07/6/2013 tại Bệnh viện mùng 7-5 Công an tỉnh Điện Biên. Thực tế, ông bà không còn quan tâm chia sẻ, không còn cùng nhau vun vén kinh tế và xây dựng cuộc sống chung, ông bà đã ly thân tháng 06/2023 cho đến nay.

Về phía bị đơn, ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do bà C, đặc biệt khi bà C về nghỉ hưu thì không còn quan tâm, chia sẻ với ông nữa. Ông T khai bà C coi thường ông T, đi đâu làm gì không nói cho ông biết, hai

vợ chồng không còn tôn trọng bình đẳng với nhau. Sự việc vợ chồng cãi cự xô xát vào cuối tháng 5/2023 là do bà C không thành thực với ông chuyện chi tiêu kinh tế trong gia đình nên ông có uống rượu quá chén và có hành động lời lẽ thái quá với bà C còn ông không có ý đồ gì. Bản thân ông cũng bị thương ở phần mềm chân bên trái, phải vào bệnh viện thành phố Điện Biên Phủ khâu và nằm lại điều trị. Ông cũng cung cấp cho Toà án Bản gốc Giấy ra viện và Bảng kê chi phí điều trị nội trú về việc điều trị khâu vết thương hở ở cẳng chân trái do bị đánh từ ngày 31/5/2023 đến ngày 05/6/2023 tại Bệnh viện thành phố Điện Biên Phủ.

Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ hai ông bà đều vi phạm nghĩa vụ của người vợ, người chồng, dẫn đến không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Mặc dù những mâu thuẫn trên chính quyền địa phương không biết nhưng cả hai ông bà đã đều tự khai và có tài liệu chứng cứ là bệnh án điều trị để xác thực nên có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, giải quyết cho ly hôn giữa bà C và ông T.

[5.2] Về con chung:

Bà C và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25/5/1995, hiện cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Về tài sản: Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, nguyên đơn bà Tạ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Tạ Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Có 01 con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà C phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002255 ngày 22/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2023).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND xã Ch, huyện S, tỉnh Lai Châu;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trà

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trà